



PHỤ LỤC
ATTACHMENT

*(Kèm theo quyết định số 1486/QĐ-VACI ngày 13 tháng 8 năm 2026
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)*

Phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm FSC**
Laboratory: FSC Laboratory
Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Kết nối Thông minh**
Holding organization: Fast Smart Connector Joint Stock Company
Lĩnh vực: **Thử nghiệm Cơ**
Field: Mechanical testing

Người phụ trách/Representative: **Lê Văn Minh**

Số hiệu/Code: **VALAS 242**

Hiệu lực công nhận/Period of Validation: **12/8/2031**

Địa chỉ trụ sở/Head office address:

Số 85 Trường Chinh, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

No. 85 Truong Chinh, Phu My ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Địa chỉ phòng thí nghiệm/Laboratory address:

Thôn Quý Dương, xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Quy Duong village, Mao Dien commune, Hai Phong city, Vietnam

Số điện thoại/Phone: 098.9909.715

Email: hoaitran@fsc.net.com

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical testing

TT No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/ Name of product/material tested	Tên phép thử cụ thể/ Specific test name	Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/ Measuring range/Quantifica tion limit (if any)	Phương pháp thử/ Test method
1	Bu lông, đinh vít và đinh tán (Bolt, screws and studs)	Thử kéo bu lông – đai ốc (Tensile test of bolt and screw nut) - Xác định ứng suất bền (Determination of tensile strength) - Xác định ứng suất chảy (Determination of yield strength)	Max 1800kN	ISO 898-1:2013 ASTM F606/F606M-24

TT No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/ <i>Name of product/material tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>Specific test name</i>	Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/ <i>Measuring range/Quantifica tion limit (if any)</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
2	Vật liệu kim loại (Metallic material)	Thử kéo (Tensile test) - Xác định ứng suất bền (Determination of tensile strength) - Xác định bền chảy (Determination of yield strength) - Xác định độ giãn dài tương đối (Determination of elongation) - Xác định độ thắt tương đối (Determination of reduction area)	Max 1800kN	TCVN 197-1: 2014 ASTM A370-24 ISO 898-1:2013 ASTM F606/F606M-24
		Thử độ cứng Rockwell (Rockwell hardness test)	20-85 HRA 20-90 HRB 20- 65 HRC	TCVN 257-1:2007 ISO 6508-1:2023
3	Thép cốt bê tông (Reinforcement steel bar)	Thử kéo (Tensile test) - Xác định ứng suất bền (Determination of tensile strength) - Xác định bền chảy (Determination of yield strength)	Max 1800kN	TCVN 7937-1:2013 TCVN 197-1:2014 ASTM A370-24 ISO 15630-1:2019
4	Khớp nối cốt thép bê tông (Reinforcement couplers)	Thử kéo (Tensile test) - Xác định ứng suất bền (Determination of tensile strength)	Max 1800kN	TCVN 7937-1:2013 TCVN 13711-2:2023 ISO 15835-2:2018 ISO 15630-1:2019

Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/Vietnam standard;
- ISO: Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế/International Organization for Standardization;

Phòng thử nghiệm FSC - Công ty Cổ phần Kết nối Thông minh phải tuân thủ các quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ thử nghiệm/ FSC Laboratory - Fast Smart Connector Joint Stock Company shall comply with legal regulations before providing the testing services.